

QUY ĐỊNH TRÌNH BÀY LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

1. Khổ giấy, kiểu chữ

- Luận văn trình bày trên khổ giấy A4 (210 x 297 mm), kiểu trang đứng (portrait);
- Định dạng lề:
 - lề dưới: 2,5 cm,
 - lề trên: 2,5 cm,
 - lề phải: 2,0 cm,
 - lề trái: 3,5 cm;
- Font chữ: Time New Roman;
- Cỡ chữ (phần nội dung): 13 pt;
- Cách dòng: 1.2 lines

2. Định dạng (format) luận văn

2.1 Bố cục của luận văn:

Khóa luận tốt nghiệp hoặc luận văn tốt nghiệp phải được trình bày nghiêm túc, trang trọng theo font chữ Time New Roman cỡ chữ 13pt. Khóa luận in 02(hai) mặt trên giấy A4.

- Trang bìa trình bày theo mẫu đính kèm;
- Trang phụ bìa (theo mẫu đính kèm);
- Trang duyệt luận văn (theo mẫu đính kèm);
- Lời cam đoan;
- Lời cảm ơn (không bắt buộc);
- Mục lục;
- Danh sách chữ viết tắt;
- Danh sách bảng, hình;
- Nội dung;
 - Chương 1:
 - Chương 2:
 - Chương 3:
 -
- Tài liệu tham khảo;
- Phụ lục.

2.2 Qui cách định dạng:

Đề mục	Cỡ chữ	Định dạng	Canh lề trang
Tên chương	14 đến 16	In hoa, đậm	Giữa hoặc trái
Tên tiểu mục mức 1	13	In hoa, đậm	Trái
Tên tiểu mục mức 2	13	Chữ thường, đậm	Trái
Tên tiểu mục mức 3	13	Chữ thường, nghiêng	Trái
Nội dung	13	Chữ thường (normal) Cách dòng 1.2	Đều
Tên khoa học	13	Nghiêng	
Bảng (table)	12	Normal	Trái
Chú thích bảng	10	Nghiêng	Trái, dưới bảng
Tên bảng	11	Đậm	Trái, trên bảng
Tên hình	11	Đậm	Trái hoặc giữa, dưới hình
Tài liệu tham khảo	11	Kiểu APA hoặc Harvard	

Ví dụ:

Bảng 3.1: Chi Phí Xử Lý Ô Nhiễm Nước (Triệu USD năm 2002)

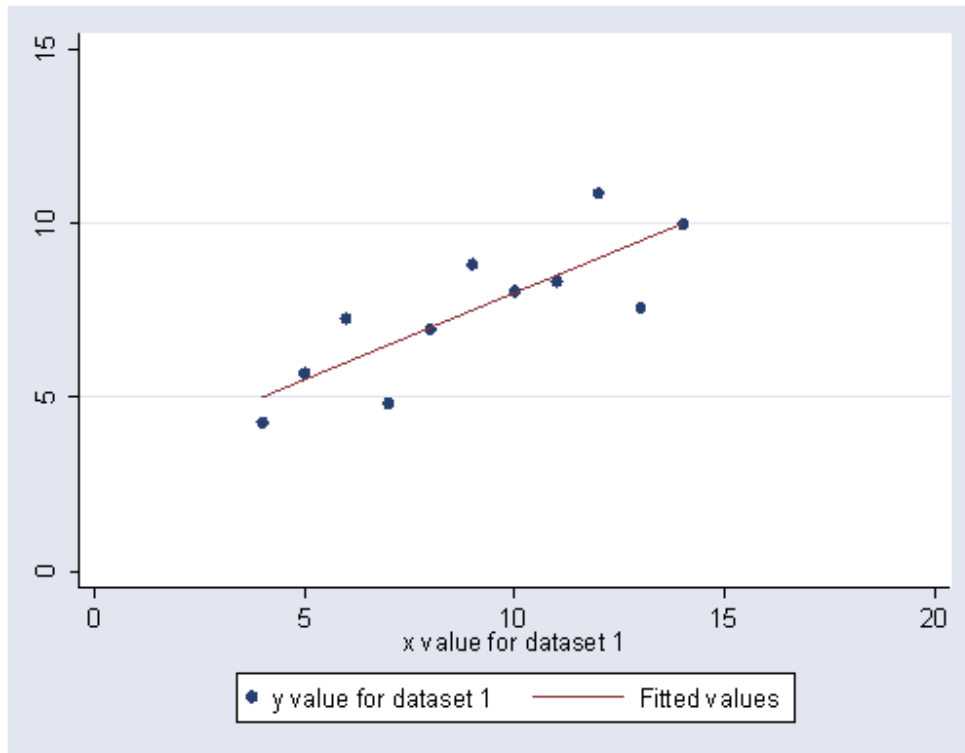
	<i>Ước lượng năm 1979^a</i>		<i>1986 PACE^b</i>	
	<i>Chi phí vốn</i>	<i>Chi phí hoạt động và bảo dưỡng</i>	<i>Chi phí vốn</i>	<i>Chi phí hoạt động và bảo dưỡng</i>
<i>Tất cả các ngành</i>	3.870,6	15.893,2	1528,4	7.083,7
<i>Thực phẩm và các sản phẩm tương tự</i>	175,0	2.349,9	159,0	823,0
<i>Dệt may</i>	346,9	1.107,3	15,4	139,5
<i>Gỗ</i>	24,4	135,1	16,0	62,6

Nguồn: Harrington và các đồng sự (2004)

^aU.S. EPA (1979).

^bU.S. Bureau of the Census (1989)

NA = không có số liệu



Hình 3.1: Đồ thị rải điểm giữa y và x

Nguồn: Do tác giả tính toán từ cuộc khảo sát

Cách đánh dấu câu

Các dấu “: , . ;) }] ! ? ” được gõ ngay sau ký tự cuối cùng (không khoảng cách), và gõ 1 phím cách (space) sau chúng.

Sau các dấu “ { ([không gõ dấu cách

Cách đánh số công thức

Số công thức phải được đánh theo số chương. Số đầu tiên của công thức là số của chương, số thứ hai của công thức là số thứ tự của công thức đó.

Ví dụ;

CHƯƠNG 3:

$$m = m(A, p, X, S) \quad (3.1)$$

$$y = a_0 + a_1x + a_2x^2 \quad (3.2)$$

Các tiểu đoạn nhiều nhất là 3 mức

Ví dụ

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU

1.1 ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1.1

1.1.1.1

1.2 PHƯƠNG PHÁP LUẬN

1.2.1

1.2.1.1

CHƯƠNG 2: KHUNG LÝ THUYẾT

2.1

2.1.1

2.1.1.1

Đánh số trang

Những trang đầu (lời cảm tạ, mục lục, trang xác nhận, trang danh sách bảng, hình, v.v.) đánh số La Mã (i, ii, iii, iv), phần nội dung (kể cả mục lục) đánh số Ả Rập (1, 2, 3, ...)

Trang tài liệu tham khảo

Danh mục tài liệu tham khảo được đặt cuối phần nội dung chính (sau phần Kết luận và Đề Nghị) nhằm cung cấp cho người đọc nguồn tài liệu đã được trích dẫn trong luận văn. Mọi nguồn trích dẫn đều phải được liệt kê bên trong danh mục tài liệu tham khảo. Mọi tài liệu được liệt kê trong danh mục tài liệu tham khảo phải có trích dẫn trong bài viết (luận văn).

Trang tài liệu tham khảo nên bắt đầu trang mới, tách rời khỏi phần nội dung chính.

Danh mục tài liệu tham khảo được sắp xếp theo thứ tự Alphabet. Họ tên tác giả (tên tác giả Việt Nam được viết đầy đủ không đảo họ tên)

Ví dụ:

Đối với sách:

Calfee, R. C. and Valencia, R. R. (1991). *APA guide to preparing manuscripts for journal publication*. Washington, DC: American Psychological Association.

Đối với tạp chí, báo cáo khoa học:

Họ, Tên tác giả (viết chữ cái đầu của tên và dấu chấm) (năm). Tên bài báo. *Tên tạp chí*.
Tập (số tạp chí): từ trang – đến trang.

Ví dụ:

Scruton, R. (1996). The eclipse of listening. *The New Criterion* **15**(30): 5 - 13